

**Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu  
Việt Nam**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam**  
**Thông tin chung**

**Giấy phép phát hành chứng chỉ quỹ ra công chúng** 04/UBCK-GCN cấp ngày 18 tháng 12 năm 2007

**Giấy phép niêm yết chứng chỉ Quỹ** 58/QĐ- SGDHCM cấp ngày 3 tháng 6 năm 2008

**Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập** 11/UBCK-GCN cấp ngày 28 tháng 2 năm 2008

Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 10 năm.

<b>Ban Đại diện Quỹ</b>	Ông Đặng Thái Nguyên	Chủ tịch
	Bà Nguyễn Minh Châu	Phó Chủ tịch
	Ông Trần Đắc Tài	Phó Chủ tịch
	Ông Lê Hoàng Anh	Thành viên
	Ông Lê Trung Thành	Thành viên
	Ông Huỳnh Văn Thôn	Thành viên
	Bà Tạ Ngọc Phúc	Thư ký

**Công ty Quản lý Quỹ** Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

**Ngân hàng Giám sát** Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)

**Trụ sở Đăng ký** Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza  
17 Lê Duẩn,  
Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Đơn vị kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam**  
**BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ**

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm đối với các báo cáo tài chính được trình bày theo Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán và Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được Việt Nam chấp thuận, mà các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và kết quả hoạt động của Quỹ trong năm kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và trong trường hợp không tuân thủ, thuyết minh rõ các khác biệt trọng yếu trong các báo cáo tài chính; và
- lập các báo cáo tài chính theo giả định hoạt động liên tục trừ phi giả định này không còn phù hợp với Quỹ.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được thiết lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các yêu cầu của Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán và Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được Việt Nam chấp thuận. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Thay mặt Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

---

Ông Trần Thanh Tân  
Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc

**Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam**  
**BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ (TIẾP THEO)**

**PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tôi, Đặng Thái Nguyên, Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ và thay mặt cho Nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam (“Quỹ”), phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, được lập theo các Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán, Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được Việt Nam chấp thuận.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ

---

Ông Đặng Thái Nguyên  
*Chủ tịch*

## BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Nhà đầu tư

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam

### Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán, báo cáo tài sản và báo cáo danh mục đầu tư đính kèm của Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam (“Quỹ”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và báo cáo kết quả hoạt động và báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam là Công ty Quản lý Quỹ và được xác nhận bởi Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) là Ngân hàng Giám sát của Quỹ. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự bảo đảm hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính của Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và kết quả hoạt động của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán và Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được Việt Nam chấp nhận.

**Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 09-01-210



John T. Ditty

Chứng chỉ kiểm toán viên số N0555/KTV

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh 28 JAN 2010

Trần Đình Vinh

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0339/KTV

**Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009**

**B01-QĐT**

<b>Mã số</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2009 VNĐ</b>	<b>31/12/2008 VNĐ</b>
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN</b>			
110	1. Tiền gửi ngân hàng	3	42.261.461.047	335.600.870.975
120	2. Đầu tư chứng khoán	4	907.566.454.300	341.688.129.700
130	3. Phải thu hoạt động đầu tư	5	1.230.057.677	25.178.718.613
<b>200</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>951.057.973.024</b>	<b>702.467.719.288</b>
<b>B.</b>	<b>NGUỒN VỐN</b>			
<b>300</b>	<b>I. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>7.585.536.657</b>	<b>14.807.668.810</b>
311	1. Phải trả hoạt động đầu tư	6	605.788.831	13.262.283.504
314	2. Phải trả phụ cấp Ban Đại diện Quỹ		48.000.000	46.320.690
315	3. Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát	7	2.845.042.241	1.185.388.192
318	4. Phải trả khác	8	4.086.705.585	313.676.424
<b>400</b>	<b>II. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>943.472.436.367</b>	<b>687.660.050.478</b>
410	1. Vốn phát hành cho các nhà đầu tư		806.460.000.000	806.460.000.000
411	1.1 Vốn phát hành	9	806.460.000.000	806.460.000.000
420	2. Lợi nhuận chưa phân phối/(Lỗ lũy kế)	10	137.012.436.367	(118.799.949.522)
<b>430</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>951.057.973.024</b>	<b>702.467.719.288</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.*

**Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

**B01-QĐT**

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2009 VNĐ</b>	<b>31/12/2008 VNĐ</b>
Chứng khoán theo mệnh giá		<u>166.105.430.000</u>	<u>78.231.960.000</u>

---

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC  
(Việt Nam)

---

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư  
Việt Nam  
Bà Lê Thị Thành Tâm  
*Giám đốc tài chính*

---

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư  
Việt Nam  
Ông Trần Thanh Tân  
*Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc*

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.*

**Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam****B02-QĐT****Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**

<b>Mã số</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2009 VNĐ</b>	<b>Giai đoạn từ ngày 28/2/2008 đến ngày 31/12/2008 VNĐ</b>
<b>A.</b>	<b>XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐÃ THỰC HIỆN</b>			
<b>10</b>	<b>I. Thu nhập/(lỗ) từ hoạt động đầu tư đã thực hiện</b>		<b>175.088.579.751</b>	<b>(2.347.565.980)</b>
11	1. Cổ tức được nhận		15.674.467.640	11.193.776.240
13	2. Lãi tiền gửi		9.894.906.242	57.529.372.453
14	3. Thu nhập/(lỗ) bán chứng khoán		149.519.205.869	(71.070.714.673)
<b>30</b>	<b>II. Chi phí</b>		<b>23.196.778.533</b>	<b>14.659.188.786</b>
31	1. Phí quản lý và thưởng hoạt động	13	19.332.685.505	12.767.494.616
32	2. Phí giám sát và quản lý tài sản	13	700.510.103	414.943.575
33	3. Chi phí đại hội thường niên		1.185.857.610	-
34	4. Chi phí kiểm toán		210.778.854	250.092.700
38	5. Phí và chi phí khác	11	1.766.946.461	1.226.657.895
<b>50</b>	<b>III. Kết quả hoạt động đã thực hiện trong năm/kỳ</b>		<b>151.891.801.218</b>	<b>(17.006.754.766)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.*



**Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam** **B02-QĐT**  
**Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm kết thúc	Giai đoạn từ ngày
			ngày 31/12/2009 VNĐ	28/2/2008 đến ngày 31/12/2008 VNĐ
<b>B. XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ CHƯA THỰC HIỆN</b>				
<b>60</b>	<b>I. Thu nhập</b>		<b>219.256.834.724</b>	<b>2.637.927.108</b>
61	1. Thu nhập đánh giá các khoản đầu tư		219.256.834.724	2.637.927.108
<b>70</b>	<b>II. Chi phí</b>		<b>34.690.250.053</b>	<b>104.431.121.864</b>
71	1. Chênh lệch lỗ đánh giá các khoản đầu tư		34.690.250.053	104.431.121.864
<b>80</b>	<b>III. Kết quả hoạt động chưa thực hiện trong năm/kỳ</b>		<b>184.566.584.671</b>	<b>(101.793.194.756)</b>
<b>90</b>	<b>LỢI NHUẬN THUẬN/(LỖ THUẬN) TRONG NĂM/KỲ</b>		<b>336.458.385.889</b>	<b>(118.799.949.522)</b>
	<b>Lãi/(lỗ) trên một đơn vị quỹ</b>	<b>12</b>	<b>4.172</b>	<b>(1.473)</b>

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam  
 Bà Lê Thị Thành Tâm  
*Giám đốc tài chính*

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam  
 Ông Trần Thanh Tân  
*Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc*

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.*

**Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam**  
**Báo cáo tài sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2009**

**B05-QĐT**

<b>Mã số</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>31/12/2009 VNĐ</b>	<b>31/12/2008 VNĐ</b>
1	Tiền gửi ngân hàng	42.261.461.047	335.600.870.975
2	Đầu tư chứng khoán	907.566.454.300	341.688.129.700
2.1	<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	<i>835.432.454.300</i>	<i>311.271.529.700</i>
2.2	<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	<i>52.719.500.000</i>	<i>30.416.600.000</i>
2.3	<i>Quyền mua cổ phiếu niêm yết</i>	<i>19.414.500.000</i>	-
3	Cổ tức được nhận	1.210.803.500	-
4	Lãi được nhận	17.965.277	1.543.548.613
5	Tiền bán chứng khoán phải thu	1.288.900	23.635.170.000
	<b>Tổng tài sản</b>	<b>951.057.973.024</b>	<b>702.467.719.288</b>
6	Phải trả hoạt động đầu tư	(605.788.831)	(13.262.283.504)
7	Phải trả phụ cấp Ban Đại diện Quỹ	(48.000.000)	(46.320.690)
8	Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát	(2.845.042.241)	(1.185.388.192)
9	Phải trả khác	(4.086.705.585)	(313.676.424)
	<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>(7.585.536.657)</b>	<b>(14.807.668.810)</b>
	<b>Giá trị tài sản ròng của Quỹ</b>	<b>943.472.436.367</b>	<b>687.660.050.478</b>
	<b>Tổng số đơn vị quỹ</b>	<b>80.646.000</b>	<b>80.646.000</b>
	<b>Giá trị của một đơn vị quỹ</b>	<b>11.699</b>	<b>8.527</b>

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC  
(Việt Nam)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư  
Việt Nam  
Bà Lê Thị Thành Tâm  
*Giám đốc tài chính*

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư  
Việt Nam  
Ông Trần Thanh Tân  
*Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc*

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.*

**Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam****B06-QĐT****Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**

Mã số	Chỉ tiêu	Năm kết thúc	Giai đoạn từ ngày
		ngày 31/12/2009 VNĐ	28/2/2008 đến ngày 31/12/2008 VNĐ
<b>I</b>	<b>Giá trị tài sản ròng đầu năm/kỳ</b>	<b>687.660.050.478</b>	<b>-</b>
<b>II</b>	<b>Thay đổi giá trị tài sản ròng trong năm/kỳ</b>	<b>255.812.385.889</b>	<b>687.660.050.478</b>
	<i>Trong đó:</i>		
1	Vốn góp của các nhà đầu tư	-	806.460.000.000
2	Thay đổi giá trị tài sản ròng do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong năm/kỳ	336.458.385.889	(118.799.949.522)
3	Thay đổi giá trị tài sản ròng do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà đầu tư trong năm	(80.646.000.000)	-
<b>III</b>	<b>Giá trị tài sản ròng cuối năm/kỳ</b>	<b>943.472.436.367</b>	<b>687.660.050.478</b>

---

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC  
(Việt Nam)

---

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư  
Việt Nam  
Bà Lê Thị Thành Tâm  
*Giám đốc tài chính*

---

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư  
Việt Nam  
Ông Trần Thanh Tân  
*Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc*

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.*

**Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam**  
**Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2009**

**B07-QĐT**

STT	Loại	Số lượng	Giá trị thị trường tại ngày 31/12/2009 VNĐ	Tổng giá trị tại ngày 31/12/2009 VNĐ	Tỷ lệ (%) tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ
<b>I</b>	<b>Cổ phiếu niêm yết</b>	<b>15.790.543</b>		<b>835.432.454.300</b>	<b>87,85</b>
1	ACB	2.324.889	37.200	86.485.870.800	9,09
2	BCI	182.000	61.000	11.102.000.000	1,17
3	DHG	24.880	114.000	2.836.320.000	0,30
4	DIG	960.942	75.500	72.551.121.000	7,63
5	DPM	1.645.250	34.000	55.938.500.000	5,88
6	DPR	322.310	58.000	18.693.980.000	1,97
7	FPT	889.990	79.000	70.309.210.000	7,39
8	GMD	323.360	78.000	25.222.080.000	2,65
9	HAG	1.045.545	78.000	81.552.510.000	8,58
10	HPG	1.107.500	58.500	64.788.750.000	6,81
11	PPC	1.295.840	18.900	24.491.376.000	2,58
12	PVD	961.157	67.500	64.878.097.500	6,82
13	PVF	1.796.920	29.200	52.470.064.000	5,52
14	SJS	929.400	80.000	74.352.000.000	7,82
15	VCB	514.020	47.000	24.158.940.000	2,54
16	VIS	320.800	82.500	26.466.000.000	2,78
17	VNM	1.029.190	75.000	77.189.250.000	8,12
18	VSH	116.550	16.700	1.946.385.000	0,20
<b>II</b>	<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>	<b>820.000</b>		<b>52.719.500.000</b>	<b>5,54</b>
1	Công ty Cổ phần Dược SPM (SPM)	320.000	90.009	28.803.000.000	3,03
2	Tổng Công ty Bia rượu nước giải khát Sài Gòn (Sabeco)	500.000	47.833	23.916.500.000	2,51

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.*

**Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam**  
**Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

**B07-QĐT**

STT	Loại	Số lượng	Giá trị thị	Tổng giá trị tại	Tỷ lệ (%)
			trường tại ngày 31/12/2009 VNĐ	ngày 31/12/2009 VNĐ	tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ
<b>III</b>	<b>Quyền mua cổ phiếu niêm yết (Thuyết minh 4)</b>	<b>277.350</b>	<b>70.000</b>	<b>19.414.500.000</b>	<b>2,04</b>
<b>IV</b>	<b>Các tài sản khác</b>			<b>1.230.057.677</b>	<b>0,13</b>
1	Cổ tức được nhận			1.210.803.500	0,13
2	Lãi được nhận			17.965.277	0,00
3	Tiền bán chứng khoán phải thu			1.288.900	0,00
<b>V</b>	<b>Tiền gửi ngân hàng</b>			<b>42.261.461.047</b>	<b>4,44</b>
<b>VII</b>	<b>Tổng giá trị danh mục</b>			<b>951.057.973.024</b>	<b>100,00</b>

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC  
(Việt Nam)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư  
Việt Nam  
Bà Lê Thị Thành Tâm  
*Giám đốc tài chính*

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư  
Việt Nam  
Ông Trần Thanh Tân  
*Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc*

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

## **1. Đặc điểm hoạt động của Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam**

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam (“Quỹ”) được thành lập dưới hình thức quỹ đại chúng dạng đóng theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập số 11/UBCK-GCN do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 28 tháng 2 năm 2008. Quỹ được cấp phép hoạt động trong thời gian là 10 năm kể từ ngày cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập.

Tổng số vốn Điều lệ tối đa của Quỹ được quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập là 8.000 tỷ đồng Việt Nam. Theo giấy chứng nhận này, Quỹ được phép phát hành 80.646.000 đơn vị quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam trên mỗi đơn vị quỹ cho lần huy động vốn đầu tiên.

Hoạt động chính của Quỹ là đầu tư vào các doanh nghiệp hàng đầu hoạt động trong các ngành cơ bản, chủ đạo của nền kinh tế Việt Nam. Các doanh nghiệp đầu tư chủ yếu bao gồm các doanh nghiệp có cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán ở Việt Nam. Danh mục đầu tư của Quỹ sẽ được quản lý nhằm mục tiêu tối ưu hóa lợi nhuận và tối thiểu hóa rủi ro cho nguồn vốn đầu tư của Quỹ.

Chứng chỉ Quỹ được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 58/QĐ-SGDHCM ngày 3 tháng 6 năm 2008.

Quỹ không có cán bộ công nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam, một Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư được thành lập tại Việt Nam và được sở hữu bởi hai cổ đông chính là ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín và Công ty Dragon Capital Management Ltd. Quỹ được giám sát bởi Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

## **2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Quỹ áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

### **(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán và Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được Việt Nam chấp thuận.

Các báo cáo tài chính đính kèm không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Quỹ theo nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán được áp dụng ở Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Theo Quyết định 63/2005/QĐ-BTC, các báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm các báo cáo sau:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động;
- Báo cáo tài sản;
- Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng;
- Báo cáo danh mục đầu tư; và
- Các thuyết minh báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính của Quỹ được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ những điểm được nêu ở Thuyết minh số 2(f). Các chính sách kế toán sau đây đã được Quỹ áp dụng một cách nhất quán trong năm.

**(b) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán được sử dụng là đồng Việt Nam (“VNĐ”) và các báo cáo tài chính này đã được trình bày bằng VNĐ.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt nam số 10 (“CMKT 10”) – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

**(c) Năm tài chính**

Năm tài chính của Quỹ là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Hình thức sổ kế toán**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký chung.

**(e) Tiền gửi ngân hàng**

Tiền gửi ngân hàng bao gồm tiền gửi có kỳ hạn và tiền gửi không kỳ hạn.

**(f) Đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó, và được đánh giá lại tại ngày lập bảng cân đối kế toán theo Quyết định 45/2007/QĐ-BTC ngày 5 tháng 6 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo Quyết định 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ Đầu tư chứng khoán.

**(i) Phân loại**

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

**(ii) Ghi nhận**

Quỹ ghi nhận chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác tại ngày ký các hợp đồng đầu tư.

**(iii) Đánh giá lại**

Theo Quyết định 45/2007/QĐ-BTC ngày 5 tháng 6 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán, khoản đầu tư chứng khoán được đánh giá lại tại ngày lập báo cáo tài chính như sau:

Các chứng khoán niêm yết sẽ được đánh giá lại theo giá thị trường của các chứng khoán tại ngày lập báo cáo tài chính được tham khảo từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Các chứng khoán chưa niêm yết sẽ được đánh giá lại theo giá bình quân trên cơ sở giá giao dịch tại ngày lập báo cáo tài chính được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.

Cổ phiếu thưởng và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không và được đánh giá lại vào ngày lập báo cáo tài chính.

**(iv) Chấm dứt ghi nhận**

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.



**(g) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu hoạt động đầu tư và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(h) Các khoản phải trả**

Phải trả hoạt động đầu tư và các khoản phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

**(i) Dự phòng**

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Quỹ có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(j) Thuế**

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên theo công văn số 260/CT-TTHT ngày 15 tháng 1 năm 2010 của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh, Quỹ phải có trách nhiệm khấu trừ thuế nhà thầu theo tỷ lệ 10% trên cổ tức được chi trả trước khi Quỹ chia cổ tức cho các tổ chức đầu tư là các doanh nghiệp nước ngoài không được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

**(k) Vốn góp**

Các đơn vị quỹ được phân loại và trình bày trong vốn chủ sở hữu.

**(l) Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ chắc chắn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế và các khoản doanh thu này có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

**(i) Lãi tiền gửi và thu nhập cổ tức**

Lãi tiền gửi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi không chắc chắn. Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền được chi trả hình thành.

**(ii) Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán**

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi nhận được Thông báo thanh toán giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

**(m) Chi phí**

Các khoản chi phí được ghi nhận theo cơ sở dồn tích. Tất cả các khoản chi phí được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ các chi phí phát sinh từ việc mua các khoản đầu tư sẽ được hạch toán vào giá mua của các khoản đầu tư đó.

**(n) Lãi trên mỗi đơn vị quỹ và giá trị mỗi đơn vị quỹ**

Quỹ trình bày lãi cơ bản trên mỗi đơn vị (“EPU”) cho các đơn vị quỹ. Lãi cơ bản trên mỗi đơn vị quỹ được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ của Quỹ chia cho số đơn vị quỹ bình quân trong năm/kỳ.

Giá trị mỗi đơn vị quỹ được tính bằng cách chia giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số đơn vị quỹ tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Tài sản ròng được xác định bằng cách lấy tổng tài sản trừ đi tổng nợ phải trả.

**(o) Báo cáo bộ phận**

Quỹ hoạt động như một bộ phận.

**(p) Các bên liên quan**

Các bên được xem là có liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cũng chịu sự kiểm soát chung hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Các quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ được xem là các bên liên quan với Quỹ.

**(q) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo định nghĩa trong Quyết định 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán cho Quỹ đầu tư chứng khoán và Hệ thống Kế toán Việt Nam được trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

**(r) Số dư bằng không**

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Quyết định 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán cho các quỹ đầu tư chứng khoán và Hệ thống Kế toán Việt Nam không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

**3. Tiền gửi ngân hàng**

Tiền gửi ngân hàng thể hiện tiền bằng đồng Việt Nam gửi tại các ngân hàng sau đây vào thời điểm cuối năm:

	<b>31/12/2009</b>	<b>31/12/2008</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
<b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>		
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	8.261.461.047	30.600.870.975
<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	15.000.000.000	150.000.000.000
Ngân hàng Dầu khí Toàn cầu	14.000.000.000	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	5.000.000.000	85.000.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	-	70.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	42.261.461.047	335.600.870.975
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

#### **4. Đầu tư chứng khoán**

Tất cả các công ty đầu tư (niêm yết và không niêm yết) như được trình bày trên báo cáo Danh mục đầu tư đều được thành lập tại Việt Nam.

Quỹ không tham gia hàng ngày vào các quyết định chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đầu tư. Theo đó, Quỹ không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quỹ được ghi nhận trên cơ sở được trình bày ở Thuyết minh 2(f), thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán được trình bày như sau:

	<b>Giá mua VNĐ</b>	<b>Lãi do đánh giá lại VNĐ</b>	<b>Giá thị trường tại ngày 31/12/2009 VNĐ</b>
Cổ phiếu niêm yết	777.490.064.385	57.942.389.915	835.432.454.300
Cổ phiếu chưa niêm yết	47.303.000.000	5.416.500.000	52.719.500.000
Quyền mua cổ phiếu niêm yết (*)	-	19.414.500.000	19.414.500.000
	<b>824.793.064.385</b>	<b>82.773.389.915</b>	<b>907.566.454.300</b>

(\*) Khoản này liên quan đến quyền mua 277.350 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà (“SJS”) theo tỉ lệ cổ đông sở hữu hai cổ phiếu tại ngày 27 tháng 11 năm 2009 được mua một cổ phiếu mới. Giá trị của mỗi quyền mua được xác định bằng việc tham chiếu giá thị trường của cổ phiếu đó tại ngày 31 tháng 12 năm 2009. Quỹ đã thực hiện toàn bộ quyền mua cổ phiếu này vào ngày 14 tháng 1 năm 2010.

#### **5. Phải thu hoạt động đầu tư**

	<b>31/12/2009 VNĐ</b>	<b>31/12/2008 VNĐ</b>
Phải thu từ kinh doanh chứng khoán (*)	1.288.900	23.635.170.000
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng	17.965.277	1.543.548.613
Cổ tức phải thu	1.210.803.500	-
	<b>1.230.057.677</b>	<b>25.178.718.613</b>

(\*) Phải thu từ kinh doanh chứng khoán thể hiện số tiền phải thu từ việc bán các khoản đầu tư được thanh toán sau ba ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+3) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

**Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam****B04-QĐT****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009****(tiếp theo)****6. Phải trả hoạt động đầu tư**

	<b>31/12/2009</b>	<b>31/12/2008</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Khoản đầu tư chờ thanh toán (*)	531.180.000	12.936.403.000
Phí môi giới phải trả	74.608.831	325.880.504
	<hr/>	<hr/>
	605.788.831	13.262.283.504

(\*) Khoản đầu tư chờ thanh toán thể hiện khoản phải trả cho việc mua các chứng khoán đầu tư được thanh toán sau ba ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+3) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

**7. Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát**

	<b>31/12/2009</b>	<b>31/12/2008</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Phí quản lý Quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ	1.577.195.798	1.148.075.731
Phí thưởng hoạt động phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ	1.204.758.611	-
Phí giám sát phải trả cho Ngân hàng Giám sát	63.087.832	37.312.461
	<hr/>	<hr/>
	2.845.042.241	1.185.388.192

**8. Phải trả khác**

	<b>31/12/2009</b>	<b>31/12/2008</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Phải trả thuế nhà thầu được giữ lại trên cổ tức trả cho các nhà đầu tư tổ chức nước ngoài (*)	2.865.412.112	-
Cổ tức phải trả cho các nhà đầu tư có chứng khoán chưa lưu ký	115.500.000	-
Phí đại hội thường niên trích trước	634.875.000	-
Phí kiểm toán trích trước	215.658.300	250.092.700
Các phí trích trước khác	255.260.173	63.583.724
	<hr/>	<hr/>
	4.086.705.585	313.676.424

(\*) Theo công văn số 260/CT-TTHT ngày 15 tháng 1 năm 2010 của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh, Quỹ phải có trách nhiệm khấu trừ thuế nhà thầu theo tỷ lệ 10% trên cổ tức được chi trả trước khi Quỹ chia cổ tức cho các tổ chức đầu tư là các doanh nghiệp nước ngoài không được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

## **9. Vốn phát hành**

Vốn được duyệt tối đa của Quỹ là 8.000 tỷ đồng Việt Nam, tương đương 800.000.000 đơn vị quỹ với mỗi đơn vị quỹ trị giá 10.000 đồng Việt Nam. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2009, tổng số vốn được góp bởi các chủ đầu tư là 806.460 triệu đồng Việt Nam, tương đương 80.646.000 đơn vị quỹ.

Biến động vốn trong năm/kỳ như sau:

	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2009 VNĐ</b>	<b>Giai đoạn từ ngày 28/2/2008 đến ngày 31/12/2008 VNĐ</b>
Vốn góp đầu năm/kỳ	806.460.000.000	-
Vốn tăng trong năm/kỳ	-	806.460.000.000
Vốn góp cuối năm/kỳ	806.460.000.000	806.460.000.000

Mỗi đơn vị quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam. Tất cả các đơn vị quỹ đều có các quyền biểu quyết, quyền hưởng cổ tức, quyền được hoàn vốn và các quyền khác như nhau. Mỗi đơn vị quỹ đã phát hành và góp vốn đủ tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp thường niên của Quỹ và có quyền được hưởng cổ tức mà Quỹ công bố vào từng thời điểm.

## **10. Kết quả hoạt động chưa phân phối**

	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2009 VNĐ</b>	<b>Giai đoạn từ ngày 28/2/2008 đến ngày 31/12/2008 VNĐ</b>
Số dư đầu năm/kỳ	(118.799.949.522)	-
Lợi nhuận/(lỗ) trong năm/kỳ	336.458.385.889	(118.799.949.522)
Cổ tức phân phối trong năm	(80.646.000.000)	-
Số dư cuối năm/kỳ	137.012.436.367	(118.799.949.522)

Vào ngày 15 tháng 10 năm 2009, Ban Đại diện Quỹ đã phê duyệt chi trả cổ tức đợt 1 năm 2009 cho các nhà đầu tư bằng tiền mặt với tỷ lệ 10% tổng số vốn phát hành. Ngày chốt danh sách là ngày 8 tháng 12 năm 2009. Cổ tức đã được chi trả vào ngày 30 tháng 12 năm 2009.

## **11. Phí và chi phí khác**

	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2009</b>	<b>Giai đoạn từ ngày 28/2/2008 đến ngày 31/12/2008</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Phí môi giới chứng khoán	900.343.388	345.253.556
Phụ cấp Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 13 (c))	312.000.000	266.862.072
Chi phí họp Ban Đại diện Quỹ	276.657.032	251.959.638
Chi phí khác	277.946.041	362.582.629
	<b>1.766.946.461</b>	<b>1.226.657.895</b>

## **12. Lãi trên mỗi đơn vị quỹ**

Lãi trên mỗi đơn vị quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 được tính trên cơ sở lợi nhuận của năm là 336.458.385.889 đồng Việt Nam và số đơn vị quỹ bình quân trong năm là 80.646.000 đơn vị quỹ.

## **13. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Trong năm/kỳ, Quỹ có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

### **(a) Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam, Công ty Quản lý Quỹ**

	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2009</b>	<b>Giai đoạn từ ngày 28/2/2008 đến ngày 31/12/2008</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Phí quản lý Quỹ	18.127.926.894	12.767.494.616
Phí thưởng hoạt động	1.204.758.611	-
	<b>19.332.685.505</b>	<b>12.767.494.616</b>

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được nhận phí quản lý Quỹ và phí thưởng hoạt động. Phí quản lý Quỹ được tính hàng tháng và bằng một phần mười hai của hai phần trăm (2%) giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày làm việc cuối cùng của tháng. Phí thưởng hoạt động được tính vào cuối năm trên cơ sở phần vượt trội của tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của Quỹ trong năm so với tỷ lệ tăng trưởng của thị trường được điều chỉnh theo cơ cấu danh mục đầu tư bình quân trong năm của Quỹ. Khoản thưởng hoạt động mà Công ty Quản lý Quỹ sẽ nhận được bằng 20% của phần vượt trội đó. Mức thưởng hoạt động sẽ được điều chỉnh giảm trừ và sẽ không được thanh toán nếu hoạt động đầu tư của năm liền trước bị thua lỗ và mức lỗ này chưa được bù đắp.

**Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam****B04-QĐT****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009****(tiếp theo)****(b) Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam), Ngân hàng Giám sát**

	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2009 VND</b>	<b>Giai đoạn từ ngày 28/2/2008 đến ngày 31/12/2008 VND</b>
Phí giám sát và quản lý tài sản	700.510.103	414.943.575

Quỹ đã chỉ định ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) làm Ngân hàng Giám sát của Quỹ. Theo Điều lệ Quỹ, Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát phí giám sát và quản lý tài sản hàng tháng bằng một phần mười hai của không phẩy không sáu mươi lăm phần trăm (0,065%) giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày làm việc cuối cùng của tháng. Tuy nhiên, theo hợp đồng giám sát được sửa đổi ngày 1 tháng 4 năm 2009, Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát phí giám sát và quản lý tài sản hàng tháng bằng một phần mười hai của không phẩy không tám phần trăm (0,08%) giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày làm việc cuối cùng của tháng.

**(c) Ban Đại diện Quỹ**

Ngoài tiền phụ cấp, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên nào của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong đó thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích trọng yếu. Tiền phụ cấp và các chi phí liên quan của thành viên Ban Đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2009 VND</b>	<b>Giai đoạn từ ngày 28/2/2008 đến ngày 31/12/2008 VND</b>
Phụ cấp Ban Đại diện Quỹ	312.000.000	266.862.072



**(d) Các giao dịch chủ yếu khác với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan đã được trình bày ở các thuyết minh khác trên báo cáo tài chính, Quỹ còn có các giao dịch sau đây với các bên liên quan trong năm/kỳ:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Giao dịch</b>	<b>Giá trị giao dịch</b>	
		<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2009 VNĐ</b>	<b>Giai đoạn từ ngày 28/2/2008 đến ngày 31/12/2008 VNĐ</b>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (“Sacombank”)	Gửi tiền gửi có kỳ hạn tại Sacombank	483.000.000.000	1.829.000.000.000
	Rút tiền gửi có kỳ hạn tại Sacombank	618.000.000.000	1.679.000.000.000
	Thu nhập lãi từ tiền gửi có kỳ hạn Sacombank	3.016.756.987	13.873.986.222

#### 14. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát

STT	Chỉ tiêu	31/12/2009	31/12/2008
<b>I Các chỉ số về tình hình hoạt động đầu tư</b>			
1	Tỷ lệ các loại chứng khoán trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	95,43%	48,64%
2	Tỷ lệ các loại cổ phiếu trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	93,39%	48,64%
3	Tỷ lệ các loại cổ phiếu niêm yết trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	87,85%	44,31%
4	Tỷ lệ các loại cổ phiếu chưa niêm yết trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	5,54%	4,33%
5	Tỷ lệ các loại trái phiếu trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	0,00%	0,00%
6	Tỷ lệ các loại chứng khoán khác trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	2,04%	0,00%
7	Tỷ lệ tiền gửi ngân hàng trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	4,44%	47,77%
8	Tỷ lệ bất động sản trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	0,00%	0,00%
9	Tỷ lệ thu nhập bình quân trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	37,82%	(14,82%)
10	Tỷ lệ chi phí bình quân trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	2,44%	2,09%
<b>II Các chỉ số thị trường</b>			
1	Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành trên thị trường (đơn vị quỹ)	80.646.000	80.646.000
2	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của các nhân viên công ty quản lý Quỹ	0,073%	0,015%
3	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của các nhà đầu tư nước ngoài	39,54%	39,58%
4	Giá trị mỗi đơn vị quỹ (VNĐ)	11.699	8.527

## 15. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Tại ngày phát hành các báo cáo tài chính này tổng giá trị hợp lý của các khoản đầu tư của Quỹ đã giảm 30.497.104.900 đồng Việt Nam xuống còn 877.069.349.400 đồng Việt Nam so với giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 do sự sụt giảm chung của thị trường chứng khoán tại Việt Nam:

	31/12/2009 VNĐ	28/01/2010 VNĐ	Biến động VNĐ
<b>Đầu tư chứng khoán</b>			
Cổ phiếu niêm yết	835.432.454.300	808.155.099.400	(27.277.354.900)
Cổ phiếu chưa niêm yết	52.719.500.000	50.886.500.000	(1.833.000.000)
Quyền mua cổ phiếu niêm yết (thực hiện quyền mua vào ngày 14 tháng 1 năm 2010)	19.414.500.000	18.027.750.000	(1.386.750.000)
	<u>907.566.454.300</u>	<u>877.069.349.400</u>	<u>(30.497.104.900)</u>

## 16. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày năm nay như sau:

### (a) Bảng cân đối kế toán

	31/12/2008 (Phân loại lại) VNĐ	31/12/2008 (đã được trình bày trước đây) VNĐ
Phải trả phụ cấp Ban Đại diện Quỹ	46.320.690	-
Phải trả khác	313.676.424	359.997.114

### (b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn từ ngày 28/2/2008 đến ngày 31/12/2008 (Phân loại lại) VNĐ	Giai đoạn từ ngày 28/2/2008 đến ngày 31/12/2008 (đã được trình bày trước đây) VNĐ
Chi phí hội họp	-	251.959.638
Phí và chi phí khác	1.226.657.895	974.698.257

Các số dư so sánh kỳ trước là cho giai đoạn kể từ ngày Quỹ thành lập là ngày 28 tháng 2 năm 2008 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008.

## 17. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm kết thúc cùng ngày được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành vào ngày 28 tháng 1 năm 2010.

---

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC  
(Việt Nam)

---

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư  
Việt Nam  
Bà Lê Thị Thành Tâm  
*Giám đốc tài chính*

---

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư  
Việt Nam  
Ông Trần Thanh Tân  
*Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc*